

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Tháng 08 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 từ trang 05 đến trang 34 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thuận	Ủy viên
Ông Trần Văn Lê Hà	Ủy viên
Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban
Bà Trương Thị Anh Đào	Thành Viên
Ông Phạm Duy Hải	Thành Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Vinh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2015 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 kèm theo được soát xét bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHYACA).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại Chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính tổng hợp này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.889.246.093	191.252.340.025
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.276.867.024	89.551.261.006
Tiền	111		11.124.480.024	17.115.001.839
Các khoản tương đương tiền	112		35.152.387.000	72.436.259.167
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.266.472.223	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		10.266.472.223	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.962.447.630	55.398.587.827
Phải thu khách hàng	131		61.626.838.897	46.903.840.673
Trả trước cho người bán	132		25.457.003.364	14.714.500.870
Các khoản phải thu khác	135	6	356.233.094	513.825.611
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(7.477.627.725)	(6.733.579.327)
Hàng tồn kho	140		29.667.081.909	29.579.750.767
Hàng tồn kho	141	8	29.667.081.909	29.579.750.767
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.716.377.307	2.722.740.425
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		339.186.456	257.436.349
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	-	39.865.721
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.377.190.851	2.425.438.355
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.959.477.054	36.213.681.732
Tài sản cố định	220		27.204.573.431	25.423.236.707
Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.345.549.154	13.331.414.774
- Nguyên giá	222		39.242.512.775	36.733.878.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.896.963.621)	(23.402.463.560)
Tài sản cố định vô hình	227	12	11.547.833.997	11.780.631.653
- Nguyên giá	228		14.535.328.682	14.535.328.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.987.494.685)	(2.754.697.029)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	311.190.280	311.190.280
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.570.790.000	7.570.790.000
Đầu tư dài hạn khác	258	14	8.570.790.000	7.570.790.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.184.113.623	3.219.655.025
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.031.113.623	3.066.655.025
Tài sản dài hạn khác	268		153.000.000	153.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		207.848.723.147	227.466.021.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		136.424.454.255	153.584.570.663
Nợ ngắn hạn	310		136.424.454.255	153.584.570.663
Phải trả người bán	312		1.195.218.519	3.381.842.028
Người mua trả tiền trước	313		70.130.797.986	71.330.394.441
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.739.087.902	6.207.467.248
Phải trả người lao động	315		46.466.092.593	61.596.481.042
Chi phí phải trả	316	17	270.365.252	3.030.839.948
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	10.588.792.896	7.745.582.849
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.034.099.107	291.963.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.424.268.892	73.881.451.094
Vốn chủ sở hữu	410	19	71.424.268.892	73.881.451.094
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33.810.000.000	33.810.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		30.809.499.798	20.940.440.558
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	5.979.059.240
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.759.909.094	13.107.091.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		207.848.723.147	227.466.021.757

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			941.619.150	941.619.150
Ngoại tệ các loại				
- USD			1.023.413,93	1.496.721,62
- EURO			28.843,95	18.807,52



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	97.256.935.842	60.023.540.720
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	97.256.935.842	60.023.540.720
Giá vốn hàng bán	11	21	72.075.304.641	40.456.903.488
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.181.631.201	19.566.637.232
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.186.018.483	560.493.715
Chi phí tài chính	22	23	24.603.325	13.048.866
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
Chi phí bán hàng	24		2.886.513.439	3.361.657.978
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	16.862.328.584	13.311.107.476
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.594.204.336	3.441.316.627
Thu nhập khác	31	25	177.005.606	637.679.946
Chi phí khác	32	26	257.428.293	128.419.463
Lợi nhuận khác	40		(80.422.687)	509.260.483
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.513.781.649	3.950.577.110
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.543.287.651	857.236.633
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.970.493.998	3.093.340.477
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.359	915



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		6.513.781.649	3.950.577.110
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		1.297.976.002	1.087.285.177
Các khoản dự phòng	3		744.048.398	1.324.725.561
Lãi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(376.922.222)	(126.893.116)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(897.401.931)	(561.130.375)
Chi phí lãi vay	6		-	9.750.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		7.281.481.896	5.684.314.357
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(25.280.457.443)	14.107.021.391
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(87.331.142)	(16.064.259.208)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(20.044.608.282)	(27.381.668.651)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(46.208.705)	(481.319.992)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(9.750.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.758.955.896)	(3.549.735.212)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		57.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(994.864.000)	(1.316.372.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.873.943.572)	(29.011.769.406)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.079.312.726)	(4.285.528.052)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		118.431.817	128.663.634
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(266.472.223)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(600.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		839.632.581	432.466.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		612.279.449	(4.324.397.677)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(300.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.389.652.081)	(1.864.981.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.389.652.081)	(2.164.981.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(43.651.316.204)	(35.501.148.208)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	89.551.261.006	54.815.444.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		376.922.222	126.893.116
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	46.276.867.024	19.441.189.687



Thấu Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/11/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng chia thành 3.381.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 1.649.157 cổ phần tương ứng 16.491.570.000 đồng, chiếm 48,78% vốn điều lệ; Tổng Công ty Điện lực TP.HCM nắm giữ 422.139 cổ phần tương ứng 4.221.390.000 đồng, chiếm 12,49% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 1.309.704 cổ phần tương ứng 13.097.040.000 đồng, chiếm 38,73% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
-Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư Vấn, khảo sát thiết kế
-Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư Vấn, khảo sát thiết kế

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC (“Thông tư 244”) ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư 200 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 về việc sửa đổi bổ sung điều 128 của Thông tư 200, doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15 hoặc Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Do đó, đối với việc Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, Công ty áp dụng Quyết định 15, Thông tư 244 và các nguyên tắc phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Khối Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của hai Chi nhánh trực thuộc là Chi nhánh Miền Trung và Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng điện.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được lập cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác vẫn được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

3.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong kỳ, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Cuối kỳ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại (nếu có).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	138.165.686	20.424.972
Tiền gửi ngân hàng	10.986.314.338	17.094.576.867
Các khoản tương đương tiền (*)	35.152.387.000	72.436.259.167
Cộng	46.276.867.024	89.551.261.006

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	10.266.472.223	14.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình	10.266.472.223	14.000.000.000
Cộng	10.266.472.223	14.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình mở ngày 30/06/2015 với lãi suất 5,3%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội	231.898.239	364.416.134
Bảo hiểm y tế	38.343.446	38.511.594
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	-	60.662.467
Phải thu anh Hồ Anh Tùng về thẩm định PCCC các dự án	56.865.105	-
Phải thu khác	29.126.304	50.235.416
Cộng	356.233.094	513.825.611

7. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Tại 30/06/2015	
	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	186.118.897	130.283.228
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	7.347.344.497	7.347.344.497
Cộng	7.533.463.394	7.477.627.725

	Tại 01/01/2015	
	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	32.900.000	16.450.000
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	2.585.348.700	1.809.744.090
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	4.907.385.237	4.907.385.237
Cộng	7.525.633.937	6.733.579.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	331.956.801	136.326.858
Công cụ, dụng cụ	6.157.235	1.273.197
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.328.967.873	29.442.150.712
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	29.667.081.909	29.579.750.767

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	39.865.721
Cộng	-	39.865.721

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	2.377.190.851	2.425.438.355
Cộng	2.377.190.851	2.425.438.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	10.071.945.740	9.335.560.149	14.130.534.806	3.195.837.639	36.733.878.334
Mua trong kỳ	-	76.000.000	2.964.312.726	39.000.000	3.079.312.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(570.678.285)	-	(570.678.285)
Tại ngày 30/06/2015	10.071.945.740	9.411.560.149	16.524.169.247	3.234.837.639	39.242.512.775
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	3.254.423.286	7.649.192.803	9.963.951.196	2.534.896.275	23.402.463.560
Khấu hao trong kỳ	258.073.158	250.748.554	383.936.553	172.420.081	1.065.178.346
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(570.678.285)	-	(570.678.285)
Tại ngày 30/06/2015	3.512.496.444	7.899.941.357	9.777.209.464	2.707.316.356	23.896.963.621
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	6.817.522.454	1.686.367.346	4.166.583.610	660.941.364	13.331.414.774
Tại ngày 30/06/2015	6.559.449.296	1.511.618.792	6.746.959.783	527.521.283	15.345.549.154

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 14.722.113.264 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	11.928.525.992	2.606.802.690	14.535.328.682
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>11.928.525.992</u>	<u>2.606.802.690</u>	<u>14.535.328.682</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	722.507.925	2.032.189.104	2.754.697.029
Khấu hao trong kỳ	61.393.494	171.404.162	232.797.656
Tại ngày 30/06/2015	<u>783.901.419</u>	<u>2.203.593.266</u>	<u>2.987.494.685</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	<u>11.206.018.067</u>	<u>574.613.586</u>	<u>11.780.631.653</u>
Tại ngày 30/06/2015	<u>11.144.624.573</u>	<u>403.209.424</u>	<u>11.547.833.997</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.765.877.719 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất Quận 2 dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30/06/2015 là 2.933.413.375 đồng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	311.190.280	311.190.280
Dự án nhà điều hành sản xuất Xí nghiệp khảo sát ở Quận 2	311.190.280	311.190.280
Cộng	<u>311.190.280</u>	<u>311.190.280</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế (1)	315.000	3.150.000.000	315.000	3.150.000.000
Đầu tư vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (2)	520.000	5.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	43.600	220.790.000	43.600	220.790.000
Cộng		<u>8.570.790.000</u>		<u>7.570.790.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC ((TIẾP))

- (1) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ.
- (2) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 30/06/2015, Công ty đã góp 5,2 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 52 tỷ đồng, tương đương 10%.

Hiện tại Công ty CP EVN Quốc tế và Công ty CP Phong Điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy khoản đầu tư này không bị tổn thất, vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào hai Công ty này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp	262.942.739	384.300.926
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.442.927.134	2.235.172.849
Chi phí mua phần mềm máy tính chờ phân bổ	325.243.750	447.181.250
Cộng	3.031.113.623	3.066.655.025

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Thuế GTGT	5.126.758.327	4.519.494.616
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.341.625.008	1.557.293.253
Thuế thu nhập cá nhân	270.704.567	130.679.379
Cộng	6.739.087.902	6.207.467.248

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Trích chi phí cho các dự án, công trình	250.365.252	2.718.649.039
Trích trước chi phí thuê kho	20.000.000	30.000.000
Trích trước chi phí mua máy tính bảng	-	147.190.909
Trích trước chi phí khác	-	135.000.000
Cộng	270.365.252	3.030.839.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.228.224.513	2.309.302.156
Bảo hiểm xã hội	213.258.043	-
Bảo hiểm y tế	24.066.784	-
Bảo hiểm thất nghiệp	48.810.301	38.785.509
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.720.490.150	1.362.466.031
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	143.392.060	-
Phải trả về thuế TNCN cho CBCNV	3.101.891.774	2.548.744.988
Phải trả CBCNV về tiền lương đã quyết toán	404.190.765	966.954.500
Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	385.106.296	221.470.142
Phải trả về quy hoạch cho Trung tâm Điện lực Quảng Trị	87.923.979	87.923.979
Các khoản phải trả, phải nộp khác	231.438.231	209.935.544
Cộng	10.588.792.896	7.745.582.849

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng, chia thành 3.381.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 30/06/2015 như sau:

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2015		Tại 01/01/2015	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78%	16.491.570.000	48,78%
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	4.221.390.000	12,49%	4.221.390.000	12,49%
Cổ đông khác	13.096.900.000	38,74%	13.096.900.000	38,74%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,0004%	140.000	0,0004%
Cộng	33.810.000.000	100%	33.810.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	17.267.005.929	4.866.059.240	11.464.525.813	67.452.450.982
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	12.770.479.112	12.770.479.112
- Trích lập các quỹ	-	-	-	3.673.434.629	1.113.000.000	(4.786.434.629)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.270.000.000)	(1.270.000.000)
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(5.071.479.000)	(5.071.479.000)
Tại ngày 31/12/2014	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	20.940.440.558	5.979.059.240	13.107.091.296	73.881.451.094
Tại ngày 01/01/2015	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	20.940.440.558	5.979.059.240	13.107.091.296	73.881.451.094
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.970.493.998	4.970.493.998
- Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu năm 2014 (*)	-	-	-	3.890.000.000	-	(3.890.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2014 (*)	-	-	-	-	-	(1.680.000.000)	(1.680.000.000)
- Cổ tức đã công bố năm 2014 (*)	-	-	-	-	-	(5.747.676.200)	(5.747.676.200)
- Chuyển quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.979.059.240	(5.979.059.240)	-	-
Tại ngày 30/06/2015	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	30.809.499.798	-	6.759.909.094	71.424.268.892

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2014 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2015 số 0091/NQ-TVĐ3 ngày 17 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.381.000	3.381.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.380.986	3.380.986
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	3.380.986	3.380.986
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.4 CÁC QUỸ

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.809.499.798	20.940.440.558
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.979.059.240
Cộng	30.809.499.798	26.919.499.798

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.256.935.842	60.023.540.720
Trong đó:		
+ Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	97.256.935.842	60.023.540.720
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.256.935.842	60.023.540.720
Trong đó:		
+ Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	97.256.935.842	60.023.540.720

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	72.075.304.641	40.456.903.488
Cộng	72.075.304.641	40.456.903.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	739.730.114	419.386.741
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.240.000	13.080.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.126.147	1.133.858
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	376.922.222	126.893.116
Cộng	1.186.018.483	560.493.715

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	-	9.750.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.603.325	3.298.866
Cộng	24.603.325	13.048.866

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.037.405.704	6.408.375.685
Chi phí vật liệu quản lý	262.590.265	-
Chi phí công cụ dụng cụ	581.720.213	632.893.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	623.088.481	521.393.656
Thuế phí, lệ phí	7.858.400	8.217.524
Chi phí dự phòng	744.048.398	1.324.725.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.226.519.598	2.427.635.874
Chi phí bằng tiền khác	2.379.097.525	1.987.865.445
Cộng	16.862.328.584	13.311.107.476

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	118.431.817	128.663.634
Thu nhập từ công nợ không phải trả	-	507.890.049
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	57.073.789	-
Thu nhập khác	1.500.000	1.126.263
Cộng	177.005.606	637.679.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và sau quyết toán lại	235.000.104	117.493.305
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	21.370.006	-
Chi phí khác	1.058.183	10.926.158
Cộng	257.428.293	128.419.463

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tạm tính theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và sẽ được quyết toán vào cuối năm tài chính.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.970.493.998	3.093.340.477
Điều chỉnh giảm lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ	376.922.222	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	4.593.571.776	3.093.340.477
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	3.380.986	3.380.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.359	915

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách, toàn bộ phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 30/06/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.276.867.024	89.551.261.006
Đầu tư ngắn hạn	10.266.472.223	14.000.000.000
Phải thu khách hàng	54.149.211.172	40.170.261.346
Các khoản phải thu khác	85.991.409	110.897.883
Đầu tư dài hạn	8.570.790.000	7.570.790.000
Cộng	119.349.331.828	151.403.210.235
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	1.195.218.519	3.381.842.028
Chi phí phải trả	270.365.252	3.030.839.948
Các khoản phải trả khác	8.074.433.255	5.397.495.184
Cộng	9.540.017.026	11.810.177.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2015.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tại 30/06/2015		
	Tiền gốc		Tương đương
	USD	EUR	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.023.413,93	28.843,95	22.991.499.878
+ Tiền mặt	-	-	-
+ Tiền gửi ngân hàng	26.413,93	10.843,95	839.112.878
+ Tương đương tiền	997.000,00	18.000,00	22.152.387.000
Cộng	1.023.413,93	28.843,95	22.991.499.878
Nợ tài chính	-	-	-
Cộng	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong kỳ Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.195.218.519	-	1.195.218.519
Chi phí phải trả	270.365.252	-	270.365.252
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.074.433.255	-	8.074.433.255
Cộng	9.540.017.026	-	9.540.017.026
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán	3.381.842.028	-	3.381.842.028
Chi phí phải trả	3.030.839.948	-	3.030.839.948
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.397.495.184	-	5.397.495.184
Cộng	11.810.177.160	-	11.810.177.160

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.276.867.024	-	46.276.867.024
Đầu tư ngắn hạn	10.266.472.223	-	10.266.472.223
Phải thu khách hàng	54.149.211.172	-	54.149.211.172
Phải thu khác	85.991.409	-	85.991.409
Đầu tư dài hạn	-	8.570.790.000	8.570.790.000
Cộng	110.778.541.828	8.570.790.000	119.349.331.828
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.551.261.006	-	89.551.261.006
Đầu tư ngắn hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000
phải thu khác	40.170.261.346	-	40.170.261.346
Phải thu khác	110.897.883	-	110.897.883
Đầu tư dài hạn	-	7.570.790.000	7.570.790.000
Cộng	143.832.420.235	7.570.790.000	151.403.210.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

31.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu với các bên liên quan	72.570.556.036	50.807.248.904
- Công ty Cổ phần TĐ Đa Nhim - Hàm Thuận- ĐaMi	1.358.884.652	2.304.623.374
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	13.164.638.798	6.413.882.378
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - TCT Điện lực Miền Nam TNHH	6.213.268.137	1.939.191.155
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	7.491.516.914	7.836.327.268
- Công ty Truyền tải điện 4	4.266.484.717	201.125.938
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	1.132.597.273	2.871.816.364
- Ban QLDA Lưới điện tỉnh Đồng Nai	-	184.074.836
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	1.488.190.538	623.432.439
- Ban QLDA Thủy điện 1	1.060.629.620	1.840.402.366
- Công ty CP thủy điện Đại Ninh	-	583.415.536
- Ban QLDA NĐ Vĩnh Tân	1.358.816.127	2.836.144.872
- Ban QLDA Điện Nông thôn	-	622.158.638
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	24.888.959.902	21.119.448.210
- Công ty CP thủy điện Miền Trung	-	885.424.595
- Ban QLDA lưới điện TPHCM	4.042.684.696	-
- Ban QLDA Nhiệt điện 2	3.169.524.995	-
- Công ty Truyền tải Điện 1	1.443.606.642	-
- Công ty Truyền Tải Điện 3	668.567.937	305.197.889
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM - Công ty Lưới Điện Cao Thế TP.HCM	-	91.946.682
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	80.727.840	-
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	18.187.732	-
- Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	226.956.447	-
- Công ty Điện lực Gò Vấp	178.290.805	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	181.882.869	-
- VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1	100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty	36.139.395	148.636.364
Trả cổ tức	1.394.311.481	3.106.944.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	676.675.181	2.473.735.500
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	717.636.300	633.208.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng	31.565.219.250	25.857.077.900
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	1.065.144.143	403.431.288
- Ban QLDA CTTĐ Miền Bắc	231.276.221	843.421.043
- Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	11.248.069.151	4.307.016.746
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	2.059.479.963	-
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.786.821.045	439.070.253
- Ban QLDA Thủy điện 1	1.868.921.522	1.884.044.474
- Ban QLDA Thủy Điện 5	-	-
- Ban QLDA Thủy Điện 6	-	2.174.994.307
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	1.378.635.674	4.576.913.574
- Công ty Truyền tải điện 2	-	384.709.989
- CN Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia - Công ty Truyền tải điện 4	2.663.167.027	1.665.145.479
- Công ty Thủy điện Trị An	-	858.000.000
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	70.776.666	70.776.666
- BQLDA CCTĐ tỉnh Đồng Nai	84.520.206	84.520.206
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	-	1.083.307.438
- Ban QLDA NĐ Vĩnh Tân	479.128.000	479.128.000
- Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	-	-
- Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	353.487.704	353.487.704
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	-	50.000.000
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	38.522.610	38.522.610
- Ban QLDA Nhà máy Thủy Điện Sơn La	14.246.200	14.246.200
- Công ty Thủy Điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	379.004.751	478.028.951
- Trung tâm Điều độ Thông tin (HCMPC)	13.285.938	13.285.938
- Công ty CP EVN Quốc tế	-	2.239.168.756
- Công ty Cổ phần TV Xây dựng điện 2	55.950.580	55.950.580
- Công ty CP Thủy điện Buôn Kuốp	-	2.302.706.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	146.760.635	591.036.005
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	750.000
- Công ty TNHH MTV Phát Điện 3	-	164.452.237
- Công ty Truyền tải điện 1	-	102.025.927
- Ban QLDA Phát triển điện lực Hà Nội	-	198.937.529
- Ban QLDA Nhiệt điện 2	3.486.477.495	-
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	20.006.505	-
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	981.690.828	-
- Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM	139.846.386	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

31.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

<i>Người mua trả tiền trước</i>	55.027.945.510	61.455.960.752
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	26.246.321.323	26.984.966.527
- Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	1.983.649.503	3.276.381.777
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	4.659.211.936	5.876.046.960
- Ban QLDA CTTĐ Miền Trung	1.832.643.951	3.613.643.951
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.958.000.000	-
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng	1.137.672.719	3.606.057.917
- Công ty Điện lực Miền Nam	-	113.403.000
- Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	-	44.597.000
- Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
	12.899.005	12.899.005
- Trung tâm tư vấn xây dựng điện HCMPC		
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	15.063.820.881	16.744.250.332
- Ban QLDA Thủy Điện 1	602.884.808	602.884.808
- Tổng Công ty Điện lực TPHCM	12.500.000	12.500.000
- Ban QLDA vay vốn ADB	56.734.011	56.734.011
- Ban QLDA CTTĐ Miền Bắc	480.518	480.518
- Công ty Truyền tải Điện 3	-	99.300.000
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông	1.125.000.000	271.126.000
- Hình		
- Công ty TNHH MTV Phát điện 3	140.688.946	140.688.946
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai	150.840.909	-
5		
<i>Phải trả cổ tức</i>	2.803.566.900	676.675.181
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.803.566.900	676.675.181

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc	1.010.242.500	1.210.454.086

31.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 338/HĐTN-KD ngày 30/12/2011 và Phụ lục Điều chỉnh Hợp đồng thuê nhà số 293/ĐC-HĐTN ngày 24/12/2013 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM. Thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016. Cụ thể như sau:

	<u>Tại 30/06/2015</u>	<u>Tại 01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	1.374.545.456	1.374.545.456
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	687.272.728	1.374.545.456
Cộng	<u>3.545.040.590</u>	<u>2.749.090.912</u>

31.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

31.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

31.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2015

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu